| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH TRỊ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 12-4-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Ngô Hùng Phong.

Ông Lâm Quang Toản.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Thái Hữu T1, sinh năm 1947 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2021 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:*

Ngày 20/10/2020 âm lịch bà Ngô Thị Mỹ L có đem cầm cố quyền sử dụng đất cho bà với giá là 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất cầm cố là 10%/tháng, nếu quá hai tháng bà L không đóng lãi suất thì mức tiền là sẽ tăng lên là 20%/tháng, có làm biên nhận. Đến khoảng tháng 01 năm 2021 bà L có gửi

trả số tiền là 3.000.000 đồng, còn nợ 7.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 5 năm 2021 bà L đến hỏi mượn thêm số tiền là 2.500.000 đồng để đóng lãi ngân hàng. Đến ngày 30/5/2021 ÂL bà L đến nhà bà mượn lại quyền sử dụng đất để bà L đi cầm chỗ khác, bà L cam kết cầm xong sẽ trả đủ số tiền gốc và tiền lãi. Đến ngày 20/6/2021 bà L có gửi trả số tiền nợ gốc là 7.000.000 đồng, còn nợ lại gốc là 2.500.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng bà L, ông T1 có nghĩa vụ trả tổng số tiền 4.314.000 đồng, trong đó gốc 2.500.000 đồng, lãi 1.814.000 đồng. Tại phiên tòa bà rút yêu cầu đối với ông T1, chỉ yêu cầu bà L trả nợ cho bà.

*Bị đơn bà Ngô Thị Mỹ L trình bày:*

Bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền 4.314.000 đồng như bà T trình bày là đúng, bà vay tiền bà T để cho ông Phạm Văn T vay lại, bà đồng ý trả cho bà T số tiền trên khi nào ông Phạm Văn T trả tiền cho bà. Việc bà vay tiền chồng bà là ông T1 không biết, nên không liên quan gì đến ông T1.

*Tại biên bản lấy lời khai đương sự của Tòa án vào ngày 08/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Hữu T1 trình bày:*

Ông và bà Ngô Thị Mỹ L là vợ chồng. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bà L vay số tiền trên ông không biết, khi bà T kiện ra Tòa ông mới hay, sau khi biết nợ bà T ông có hỏi thì bà L nói vay dùm cho ông Phạm Văn T cùng xóm chứ không có chi tiêu trong gia đình, việc vay tiền này ông không biết tới. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết không buộc ông trả số tiền trên và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L trả cho nguyên đơn bà T số tiền còn nợ 4.314.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân L, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Hữu T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà L, ông T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần

khởi kiện, không yêu cầu ông T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Xét yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2] Nguyên đơn bà T và bị đơn bà L đều thống nhất số tiền bị đơn bà L còn nợ là 4.314.000 đồng (trong đó vốn 2.500.000 đồng và lãi 1.814.000 đồng), tại phiên tòa bà L thừa nhận nợ nhưng cho rằng số nợ trên bà cho ông Phạm Văn T vay lại khi nào ông Phạm Văn T trả thì bà trả cho bà T. Xét thấy do bà L thừa nhận nợ nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với lời bà L trình bày số nợ của ông Phạm Văn T thì đây là vấn đề giữa ông Phạm Văn T và bà L, bà L có quyền khởi kiện một vụ án khác.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà T số tiền còn nợ 4.314.000 đồng (trong đó vốn 2.500.000 đồng và lãi 1.814.000 đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị T về việc đòi bị đơn bà Ngô Thị Mỹ L trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị T số tiền còn nợ 4.314.000 đồng, trong đó vốn 2.500.000 đồng và tiền lãi 1.814.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Hữu T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Ngô Thị Mỹ L có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 300.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001217 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thành Nghiệp**